

KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ

QUYỂN 2

Phẩm 4: XỬ PHƯƠNG TIỆN NGHĨA CHÂN THẬT

PHẦN 2

Lại nữa, Bồ-tát từ lâu xa đến nay nhập trí pháp vô ngã, lìa tự tánh ngôn thuyết, tất cả pháp đều nhận biết như thật xong, không một pháp có thể khởi vọng tưởng, tùy sự giữ lấy, tùy như giữ lấy, không niệm như thế, sự ấy, như ấy chỉ hành nơi nghĩa kia. Hành đệ nhất nghĩa rồi, tất cả pháp như là không gì sánh bằng. Như thật tri kiến, tất cả bình đẳng, quán tâm bình đẳng, đặc đệ nhất xả. Nương nơi đệ nhất xả rồi, tất cả kinh luận, tất cả phương tiện thiện xảo đều khéo thông đạt, tất cả khổ nạn trọn không thối chuyển, tâm kia kiên cố, thân không mệt mỏi, tạo nên phương tiện thiện xảo, được lực niệm lớn, đối với các phương tiện thiện xảo cũng không tự cao, pháp hóa độ chúng sinh không hề bí mật, keo kiệt, đối với các phương tiện thiện xảo tâm không khiếm nhược, có thể đảm nhận, trọn không lùi giảm, có thể mặc áo giáp lớn, kiên cố đầy đủ. Như vậy như vậy thì sinh tử khổ tăng, như vậy như vậy thì có thể làm tăng trưởng đạo Bồ-đề vô thượng. Như vậy như vậy thì công đức chuyển thêm. Như vậy như vậy thì kiêu mạn giảm dần. Như vậy như vậy thì trí tuệ chuyển sáng. Như vậy như vậy thì các thứ tranh cãi, phạm giới phiền não thấy đều hiểu rõ, hiểu rồi buông xả. Như vậy như vậy thì công đức tăng trưởng. Như vậy như vậy thì càng thêm che giữ không để người biết. Không vì lợi dưỡng mà Bồ-tát có vô lượng phước lợi như vậy. Thuận đạo Bồ-đề đều do nương vào trí kia, vì thế nên Bồ-tát đã đắc Bồ-đề, nay đắc, sẽ đắc, đều nương vào trí ấy, không phải đâu khác. Hoặc hơn hoặc kém như vậy mà xa lìa hư vọng. Bồ-tát có

vô lượng những thứ phước lợi như vậy, tự có thể thành tựu pháp Phật vô thượng, đem pháp ba thừa làm lợi ích cho chúng sinh, đó gọi là chí hướng chân chính. Chí hướng chân chính rồi, tự ở thân mạng tài sản xa lìa tham ái, học lìa ái rồi, trở lại dạy bảo chúng sinh xa lìa tham ái, xả bỏ thân mạng tài sản cung cấp, ban cho những gì tâm chúng sinh cần. Khéo nhiếp phục các căn, học luật nghi nơi thân khẩu. Tánh không ư ác, hiền hậu nhân từ chân thật, chịu đựng người khác tổn hại bức bách và các hành ác, tu học nhẫn rồi, sân hận chuyển mỏng, không bức nào hại người. Tất cả mình xử tinh cần tu học, khéo vì chúng sinh giải các nghi nan, thâm giữ lợi ích, cũng tự thâm nhận nhân của nhất thiết trí. Bên trong thì nhiếp phục tâm mình, tâm kia an trú chánh thọ, tịnh bốn phạm xứ, du hóa bằng năm thần thông, tất cả sự nghiệp đều là phương tiện học, là tất cả phương tiện thiện xảo, hoặc lập hoặc phế, trọn không mệt chán, hay khéo léo quán sát đệ nhất chân thật, hay khéo tu học Đại thừa đệ nhất, hoàn toàn không nguyện cầu Niết-bàn trong đời này. Như vậy, bình đẳng rốt ráo đầy đủ, đối với các bậc Đại đức phụng sự cúng dường, đối với chúng sinh ác càng khởi tâm đại bi, tùy theo lực có thể vì họ diệt trừ hành ác, đối với kẻ hiềm khích hận thù mình không tạo ích lợi, thì vì họ phát khởi tâm từ, tùy theo sức mà hành hóa, không nịnh, không dối, tạo an lạc, lợi ích, khiến kẻ kia hết hận, tội lỗi tự diệt, lợi ích cho mình, vừa bình đẳng vừa tăng thêm lòng biết ân báo ân Nếu mong cầu như pháp thì đều khiến cho đầy đủ. Hoặc tự mình không có sức, kẻ kia tuy không mời thỉnh, cũng phải tạo ra phương tiện, tâm không dừng nghỉ, khiến kẻ kia biết ta không tiếc gì. Đây gọi là Bồ-tát xa lìa hư vọng, nương phương tiện bình đẳng của đệ nhất thật trí.

Thế nào là biết tất cả pháp xa lìa ngôn thuyết? Ở đây thiết lập giả danh là tự tướng của các pháp. Đó là sắc thọ, tưởng, hành, thức cho đến Niết-bàn, phải biết là giả danh, không có tự tánh, cũng không lìa tự tánh mà có. Ngôn thuyết hành xứ, ngôn thuyết cảnh giới như vậy là không có tự tánh, như ngôn ngữ đã nói, cũng không phải tất cả đều không sở hữu. Không sở hữu như vậy, cũng chẳng phải hết thảy đều không sở hữu. Vì sao nói có cái có thật, bài báng thật, hai thứ này đều lìa có như vậy. Đó gọi là tự tánh đệ nhất nghĩa, lìa tất cả vọng tưởng, trí tuệ hành xứ. Nếu pháp tùy thuận nói có sự chuyển biến, thì lẽ ra có tự tánh. Nếu như vậy thì một pháp, một sự, nên có rất nhiều tự tánh. Vì sao? Nghĩa là một pháp, một sự, có rất nhiều danh tự được thiết lập, cũng không phải nhiều danh mới có tánh quyết định, cũng không phải một danh có tự tánh, danh khác là không tự tánh. Vì thế nên thiết lập giả danh, dù

nhiều danh hay một danh đều không có tự tánh.

Lại nữa, từ sắc cho đến Niết-bàn nếu pháp tùy theo danh tự để có tự tánh, nghĩa là phải, trước hết có pháp sau đó mới theo ý nghĩa mà tạo danh. Khi chưa có danh, pháp kia lẽ ra không có tự tánh. Nếu không tự tánh, thì không có việc tạo danh, nghĩa ấy không đúng. Không danh mà có pháp, như vậy cũng không đúng. Pháp xưa nay tự tánh là sắc, sau này đem danh tự ngôn thuyết thâm giữ sắc ấy. Nếu như vậy thì lẽ ra lìa danh cũng có sắc, chúng sinh thiết lập lẽ ra tự biết, sắc ấy không đợi danh mới biết, mà chúng sinh không có danh thì không biết sắc. Vì thế nên biết tự tánh của tất cả các pháp lìa ngôn thuyết, như sắc cho đến Niết-bàn cũng lại như vậy.

Lại nữa, có hai hạng người hủy hoại chánh pháp của Phật: Một là đối với các pháp như sắc..., các sự như sắc..., thiết lập giả danh nói là tự tánh, tự tướng, đối với pháp không thật thì vọng tưởng chấp trước. Hai là thiết lập xứ giả danh, chỗ nương dựa giả danh, lìa tự tánh, ngôn thuyết, chê bai hủy diệt đệ nhất thật nghĩa, tất cả đều cho là không có gì cả như trước đã nói. Người ấy, kiến lập pháp không thật, vọng tưởng chính là tội lỗi. Nghĩa là đối với các pháp như sắc..., các sự như sắc..., không thật mà chấp thật, do lỗi này cho nên sẽ phá hoại chánh pháp. Lại các pháp như sắc..., các sự như sắc..., với nhân duyên sai biệt thì phỉ báng hủy diệt, cho là đều không có gì gọi là hoại chánh pháp. Nay phải nói các pháp, các sự như sắc v.v..., với nhân duyên sai biệt, với phỉ báng ngôn thuyết không có chân thật, cũng không giả danh, cả hai đều không đúng. Như ấm của sĩ phu v.v..., nói danh tự là người thì có thể như vậy. không có sự gì (ấm v.v...) nói là người thì không thể như thế. Như không có sự nói người, như chẳng phải không có sự nói là người, các pháp sắc v.v... nhân duyên sai biệt như thế mà kiến lập giả danh, chứ không phải không có sự mà lập giả danh, thế thì nên vậy. Nếu chỉ giả danh mà không có sự, thì không có xứ nương tựa, cũng không giả danh, thì không nên như thế. Người này nghe nghĩa tương ứng của “Không” hết sức sâu xa trong kinh điển Đại thừa sẽ khó hiểu, đối với chỗ nêu giảng như thật một mực không hiểu, sẽ tạo ra tư duy bất chánh, phân biệt hư vọng. Do không có tuệ thiện xảo nên nói như vậy: Tất cả đều là giả danh, không có chân thật. Tạo ra quán như vậy đó là chánh quán, là cùng với chỗ nương tựa của giả danh cho là không gì nên giả danh cũng không. Đã chấp giả danh là không, thì giả danh chân thật cũng không hề có. Chân thật và giả danh, hai thứ này đều cùng hủy báng, đó gọi là đều không. Nếu nói “Không” như vậy, thì người trí tuệ phạm hạnh không nên cùng

nói, không nên cùng ở, đó là tự hủy hoại mình cũng hủy hoại thế gian. Cho nên Đức Thế Tôn vì việc ấy mà nói, thà khởi thân kiến chứ không chấp giữ sai lạc về Không. Vì sao? Người khởi thân kiến đối với giới đã biết, không chê bai những gì đã nhận biết, không nhân nơi kiến này mà bị rơi vào đường ác, không hoại lòng tin ưa thích của người khác, đối với việc lìa khổ được giải thoát cũng không gây cản trở, cũng có thể kiến lập chân đế nơi chánh pháp, không đối với giới luật sinh kiêu mạn lười biếng. Chấp giữ sai lầm về Không nghĩa là đối với giới đã nhận biết trở lại chê bai tất cả chỗ hiểu biết, do duyên này nên đọa vào đường ác, cũng phá hoại lòng tin ưa thích của người khác, lìa khổ được giải thoát, cũng gây cản trở; đối với giới sinh kiêu mạn chậm trễ, chê bai pháp thật nên phá hoại pháp Phật. Thế nào là chấp giữ sai lạc về Không? Nếu Sa-môn hoặc Bà-la-môn, nơi kia, đây đều cho là Không, đấy gọi là chấp giữ sai lạc về Không. Vì sao? Vì nếu nói đây không thì không có tánh kia. Nếu nói kia không thì tánh đây có, nghĩa này nên như vậy. Nếu tất cả đều không, thì chỗ nào, pháp nào là không, cũng không nên nói đây tức là không ấy. thế nào là chấp giữ đúng đắn về Không? Như nói vật này không có vật kia, nên gọi là không. Vật này chẳng không, biết rõ như thật, đó gọi là như thật không điên đảo. “Không” nghĩa là các pháp như sắc v.v... thiết lập giả danh, không có tự tánh, nhưng sắc v.v... chưa rốt ráo, nghĩa là sắc... giả danh, sự, nhân duyên sai biệt, cùng đều nhận biết như thật. Tức nơi sự sai biệt thì có sự sai biệt, giả danh sai biệt, không lập chẳng phải thật, không chê bai thật, không tăng không giảm, không đề cao hạ thấp như thật như như, lìa ngôn thuyết, tự tánh biết như thật, gọi là chấp giữ đúng về Không là chỗ nhận biết của chánh trí. Ta đem đầy đủ sự suy lường tập hợp, nói tự tánh của tất cả pháp là lìa ngôn thuyết, được nghe từ chỗ Phật, tự tánh của tất cả pháp là lìa ngôn thuyết. Nay phải nói, như Phật Thế Tôn nơi Khế kinh, nói kệ chỉ bày:

*Như đem các thứ danh
Dùng nói các thứ pháp
Đây cũng không có kia
Là pháp, pháp như vậy.*

Kệ này chỉ bày sự thiết lập giả danh. Các pháp như danh sắc... do danh như sắc... tuyên thuyết các pháp, lời dạy bảo được tuyên rộng khắp nơi, giảng nói sắc cho đến Niết-bàn: Sắc v.v... giả danh, là tự tánh vô sắc..., pháp như sắc... cùng không ngoài tự tánh. Sắc... đây là giả danh, các pháp lìa ngôn thuyết, nghĩa không thực có, đấy gọi là pháp tự tánh của Đệ nhất nghĩa. Như Đức Thế Tôn đã nói ở phẩm nghĩa:

*Thế gian góp ngôn thuyết
Mâu-ni đều không vướng
Không chấp, ai hay chấp
Không khởi chấp thấy nghe.*

Kệ này nêu rõ dùng sắc giả danh để thiết lập các sự như sắc... Đây gọi là thế gian tập hợp ngôn thuyết. Đây là giả danh nên tự tánh của sự kia là không. Vì sao? Vì kiến lập và phỉ báng, không có kiến chấp này nên không có kiến chấp điên đảo kia. Đó gọi là kiến giải không vướng mắc. Không vướng mắc như vậy thì ai có thể khởi kiến chấp ở các sự như sắc... Nếu kiến lập, hoặc phỉ báng, không khởi vướng mắc, chánh quán về cảnh giới, đây gọi là thấy (kiến). Nghe, nhận biết về ngôn thuyết, đó gọi là nghe (văn). Vì thế nên thấy nghe không khởi nhiễm chấp, ở trong duyên kia, tất cả lìa bỏ, đó gọi là không khởi tham đắm thấy, nghe.

Lại nữa, Đức Phật vì quả trách Tỳ-khưu Đại Ca-chiên-diên, nên nói: Tỳ-khưu không nương nơi địa để tu thiền, không nương nơi thủy, hỏa, phong, không nương nơi không thức, vô sở hữu, phi tướng phi phi tướng, chẳng phải đời này, chẳng phải đời khác, chẳng phải ngày tháng, không thấy nghe hiểu biết, chẳng cầu, chẳng đắc, chẳng giác, chẳng quán, không nương vào những thứ ấy mà tu thiền định. Vì sao không nương vào địa cho đến không nương giác quán mà tu thiền định? Này Ca-chiên-diên! Nếu là địa thì tướng địa trừ, cho đến tất cả thì tướng tất cả để trừ. Tỳ-khưu tu thiền như vậy, đây gọi là không nương nơi địa tu thiền, cho đến không nương nơi giác quán tu thiền. Tỳ-khưu tu thiền như thế thì Thích thiên, Đại Lực thiên, Phạm thiên đều đến kính lễ, nói kệ tán thán:

*Kính lễ bậc Tối thắng
Kính lễ bậc Thượng sĩ
Tôi nay không biết Ngài
Nương chỗ nào mà thiền?*

Đoạn kinh này chỉ bày các việc giả danh của địa... Ở địa kia v.v... thiết lập giả danh, đó gọi là tướng địa. Tướng địa này..., đối với việc giả danh kia, hoặc kiến lập tự tánh, hoặc hủy diệt tất cả, hoặc hoại đệ nhất nghĩa, thâu nhận sự hủy báng, đây gọi là tướng. Nếu trừ tướng kia, đó gọi là đoạn, gọi là xả, phải biết tên gọi ấy từ các Đức Như-lai, bậc thầy của đệ nhất nghĩa, nghe tất cả pháp, tự tánh lìa ngôn thuyết, như vậy, tất cả các pháp, tự tánh lìa ngôn thuyết, thì tất cả ngôn thuyết làm sao có chỗ thích hợp? Nếu không có ngôn ngữ thì làm sao vì người khác giảng

nói pháp lìa ngôn thuyết, vì đã không nói thì cũng không nghe. Không nói không nghe, thì tất cả pháp tự tánh lìa ngôn thuyết kia, không thể nhận biết được, vì thế nên phải có ngôn thuyết giúp họ nghe biết. Như vậy là như thật, phàm phu ngu si không hiểu, do nhân duyên ấy, nên khởi tám thứ vọng tưởng sinh ra ba việc làm cho tất cả chúng sinh và khí thế gian tăng lên. Một là vọng tưởng về tự tánh. Hai là vọng tưởng về sai biệt. Ba là vọng tưởng về thâm nhận tích tụ. Bốn là vọng tưởng về ngã. Năm là vọng tưởng về ngã sở. Sáu là vọng tưởng về niệm. Bảy là vọng tưởng về bất niệm. Tám là vọng tưởng cùng trái nhau. Đây gọi là tám thứ vọng tưởng.

Thế nào là sinh ba việc? Một là vọng tưởng về tự tánh, vọng tưởng về sai biệt, vọng tưởng về thâm nhận tích tụ, ba thứ vọng tưởng ấy là xứ vọng tưởng hư dối, là sự duyên dựa hư dối, do đây mà sinh. Đối với sắc v.v... giả danh, sự, xứ kia do danh, tướng, ngôn ngữ thâm nhận tăng trưởng, vô lượng hư dối thường hành không dừng. Hai là với vọng tưởng về ngã, ngã sở, hai thứ vọng tưởng này là thân kiến, mà thân kiến là nguồn gốc của tất cả kiến và nguồn gốc của kiêu mạn. Ngã mạn có thể sinh ra tất cả mạn.

Ba là vọng tưởng về niệm, vọng tưởng về bất niệm, vọng tưởng cùng trái nhau, tùy theo chỗ thích nghi sinh khởi tham, sân, si. Đó gọi là tám thứ vọng tưởng sinh ra ba thứ sự. Đó là sự xứ vọng tưởng hư dối, sự thân kiến ngã mạn, sự tham, sân, si. Nướng vào vọng tưởng hư dối, sinh thân kiến, ngã mạn. Nướng vào thân kiến ngã mạn sinh tham, sân, si. Ba thứ sự này, tất cả phần tích tụ của thế gian đều bị chúng đốt cháy tất cả.

Thế nào là vọng tưởng về tự tánh? Đối với sự giả danh như sắc, nếu vọng tưởng nói là sắc, thì gọi là vọng tưởng về tự tánh.

Thế nào là vọng tưởng về sai biệt? Đối với sự giả danh như sắc này, nói đây là sắc, đây không phải là sắc, cái này có thể thấy, cái này không thể thấy, cái này có đối, cái này không đối, cái này hữu lậu, cái này vô lậu, cái này hữu vi, cái này vô vi, vô lượng phân biệt như vậy, ở xứ vọng tưởng về tự tánh tạo ra vọng tưởng sai biệt. Đó gọi là vọng tưởng sai biệt.

Thế nào là vọng tưởng thâm nhận tích tụ? Đối với sự giả danh như sắc, thì ngã nhân, thọ mạng, chúng sinh, đối với tục số kia vọng tưởng, về sắc tạo lợi ích, chứa nhóm nhiều pháp, tích tụ thâm nhận, nhân đó khởi lên nhà cửa, quần chúng, rừng núi, ăn uống, y phục, xe ngựa, đối với tục số kia vọng tưởng tạo lợi ích. Đây gọi là vọng tưởng thâm nhận

tích tụ.

Thế nào là vọng tưởng về ngã, ngã sở? Nếu các việc kia là thọ ẩm hữu lậu thì tích tập lâu xa chấp trước ngã, ngã sở, vì thế không thấu nhận xứ, thói quen tự thấy xứ sự, do nhân duyên này khởi vọng tưởng không như thật. Đấy gọi là vọng tưởng về ngã, ngã sở.

Thế nào gọi là vọng tưởng về niệm? Đối với sự diệu tịnh và những việc được vừa lòng vui thích, duyên với vọng tưởng.

Thế nào gọi là vọng tưởng bất niệm? Đối với những sự bất tịnh, cho đến những việc không ưa thích vừa lòng, duyên với vọng tưởng.

Thế nào gọi là vọng tưởng về niệm, bất niệm đều trái nhau? Đối với sự tịnh, bất tịnh, sự việc vừa lòng, không vừa lòng đều lia mà duyên nơi vọng tưởng. Việc đã nêu lược nói có hai sự, nghĩa là vọng tưởng và chỗ dựa của vọng tưởng. Vọng tưởng duyên với hai sự này từ xưa đến nay, mỗi sự đều làm nhân nhau. Vọng tưởng quá khứ sinh duyên sự của vọng tưởng hiện tại. Duyên sự của vọng tưởng hiện tại sinh duyên sự của vọng tưởng hiện tại. Do không biết vọng tưởng hiện tại, nên trở lại sinh duyên sự của vọng tưởng vị lai. Duyên sự đã sinh rồi, chắc chắn trở lại sinh duyên sự của vọng tưởng kia.

Làm thế nào để biết vọng tưởng? Có bốn thứ tìm cầu, bốn thứ nhận biết như thật.

Thế nào là bốn thứ tìm cầu? Một là cầu danh. Hai là cầu sự. Ba là cầu thiết lập tự tánh. Bốn là cầu thiết lập sai biệt.

Cầu danh nghĩa là Bồ-tát đối với danh, danh sai biệt, quán sát danh mà tìm cầu.

Như thế với sự, sự sai biệt, quán sát sự mà tìm cầu. Với thiết lập tự tánh, thiết lập tự tánh sai biệt, quán thiết lập tự tánh mà tìm cầu. Với thiết lập sai biệt, thiết lập sai biệt theo mức độ, quán thiết lập sai biệt mà tìm cầu. Danh cùng sự kia nếu lia tương quán, hoặc hợp tương quán thì danh sự hòa hợp nương nhau để thiết lập tự tánh, thiết lập sai biệt quán xét.

Thế nào là bốn thứ nhận biết như thật? Tùy vào cầu danh mà biết như thật, tùy vào cầu sự mà biết như thật, tùy vào cầu thiết lập tự tánh mà biết như thật, tùy vào cầu thiết lập sai biệt mà biết như thật.

Thế nào là tùy vào cầu danh mà biết như thật? Bồ-tát đối với danh, danh sai biệt mà cầu, danh như thế đều nhận biết như thật, danh này vì sự này mà lập, vì tướng, vì kiến, vì lưu hành khắp. Đối với sự giả danh như sắc, không lập danh như sắc v.v... không thể nhận biết về sự như sắc v.v... Nếu không nhận biết thì không có sự suy nghĩ, đã không

suy nghĩ thì không nói năng (ngôn thuyết). Như thế là nhận biết như thật, đó gọi là tùy vào cầu danh mà biết như thật.

Thế nào là tùy vào cầu sự mà biết như thật? Bồ-tát đối với sự, sự sai biệt mà cầu tìm. Quán sát các sự giả danh như sắc v.v..., tất cả sự ngôn thuyết, lia ngôn thuyết, đó gọi là tùy vào cầu sự mà biết như thật.

Thế nào là tùy vào cầu thiết lập tự tánh mà biết như thật? Bồ-tát đối với sự giả danh như sắc, thiết lập tự tánh, thiết lập tự tánh sai biệt mà cầu. Thiết lập tự tánh kia, sự tự tánh này, quán tướng của tự tánh nhận biết như thật, nó như hóa, như ảnh, như âm vang, như dợn nắng, như trăng trong nước, như mộng, như huyễn. Quán tướng của tự tánh là không có chân thật, đó gọi là biết như thật về nghĩa xứ sâu xa, tùy vào cầu thiết lập tự tánh nhận biết như thật.

Thế nào là tùy vào cầu thiết lập sai biệt biết như thật? Bồ-tát đối với thiết lập sai biệt, thiết lập sai biệt theo mức độ mà cầu, là sự giả danh như sắc, nên thiết lập sai biệt không hai. Quán sự kia chẳng phải là hữu tánh, chẳng phải là vô tánh, tự tánh của ngôn thuyết là không thủ đắc, cũng không phải là vô tánh, lia ngôn thuyết mà kiến lập tánh, phi hữu sắc, do đệ nhất nghĩa đế nên cũng phi vô sắc do thế đế có sắc, như có tánh, vô tánh, sắc, chẳng phải sắc. Như thế thì có thể thấy, không thể thấy, tất cả pháp thiết lập sai biệt đều nhận biết như thật, nghĩa thiết lập sai biệt không hai này đã nhận biết như thật. Đó gọi là tùy vào cầu thiết lập sai biệt nhận biết như thật. Nếu tám thứ vọng tưởng tà nơi phàm phu ngu si thì sinh ba thứ sự tăng trưởng thế gian. Nếu bốn thứ biết như thật kia không đầy đủ thì vọng tưởng tà kia khởi phiền não, phiền não khởi nên chịu cảnh sinh tử, chịu cảnh sinh tử nên thuận theo sinh tử mà các khổ tăng trưởng như: sinh, già, bệnh, chết... Nếu Bồ-tát nương vào bốn thứ biết như thật, thì đời này biết được tám thứ vọng tưởng. Đời này nhận biết rồi thì đời vị lai nương vào sự hư dối trong xứ duyên, ắt sẽ không sinh khởi trở lại. Sự kia không khởi, thì vị lai vọng tưởng trong duyên không sinh. Như thế thì sự kia, vọng tưởng kia diệt mất và tất cả hư dối cũng diệt. Hư dối đã diệt, thì Bồ-tát mau chóng chứng đắc Đại Bát Niết-bàn của Đại thừa, đời này có thể đạt được hành xứ đặc biệt của bậc Đại sĩ, trí thanh tịnh thành tựu, có tất cả diệu lực đại tự tại. Đó là các thứ thần lực hóa hóa, các thứ thần lực biến biến, nhất thiết trí nhận biết không còn trở ngại, tùy theo ý muốn mà còn, mất, tự tại. Được vô lượng tự tại như vậy, đó gọi là tối thắng vô thượng của tất cả chúng sinh. Bồ-tát đạt tất cả tự tại như thế, sẽ thành tựu năm thứ công đức

thượng diệu: Một là được tâm tịnh đệ nhất, chánh thọ tịch diệt, nhưng không tịch diệt tất cả phiền não. Hai là tất cả minh xứ thanh tịnh, tri kiến tăng trưởng không giảm. Ba là vì chúng sinh nên ở trong sinh tử mà không chán mệt. Bốn là khéo nhập chỗ thâm diệu nơi ngôn thuyết của Như Lai. Năm là khéo hiểu biết về Đại thừa, không lãnh thọ từ người khác. Năm thứ công đức như vậy làm năm thứ nghiệp: Một là đời hiện tại trú trong đệ nhất lạc, mở bày phương tiện giác ngộ, sinh phương tiện thân tâm, mệt nhọc đều diệt, là nghiệp của công đức tâm được tịch tĩnh. Hai là thành tựu tất cả pháp Phật, đó là tất cả minh xứ thanh tịnh, là nghiệp của công đức tri kiến tăng trưởng. Ba là thành tựu chúng sinh, tức là nghiệp của công đức ở trong sinh tử nhưng không mệt mỏi nhàm chán. Bốn là giáo hóa chúng sinh đã khởi hoặc chưa khởi nghi, có thể vì họ mà mở bày giải thích, hộ trì chánh pháp khiến được trụ lâu. Nếu có pháp tương tự có thể diệt chánh pháp, thì khéo nhận biết, khéo giảng nói nhằm khiến pháp kia diệt trừ. Đó gọi là nghiệp của công đức khéo nhập chỗ thâm diệu nơi ngôn thuyết của Như-lai. Năm là hàng phục tất cả dị luận của ngoại đạo, kiên cố tinh tấn chánh nguyện không giảm, là nghiệp của công đức khéo hiểu Đại thừa không lãnh thọ từ người khác. Như thế, tất cả việc làm của Bồ-tát đều gồm thâu trong năm nghiệp công đức, nghĩa là không nhiễm ô trụ nơi đệ nhất lạc, thành thực pháp Phật, thành tựu chúng sinh, hộ trì chánh pháp, hàng phục dị luận, kiên cố tinh tấn, chánh nguyện không lay động. Bốn thứ nghĩa chân thật kia, thứ nhất, thứ hai là bậc hạ, thứ ba là bậc trung, thứ tư là bậc thượng.
